

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HS-PT
Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hồng và bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Yến Phương – Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 100/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Khánh Đ và Lê Hồng P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang;

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Khánh Đ, sinh ngày 22/01/1994 tại phường C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ G, khóm A, phường C, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Cao đài; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Trần Anh T, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1969; Vợ Nguyễn Thị Thùy D (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: Ngày 21/02/2023, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang) xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 07/11/2024, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/11/2025 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hồng P, sinh ngày 19/01/1984 tại M, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Tổ B, Khóm C, phường C, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: sửa xe; Con ông Lê Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960; vợ tên Ngô Thị Ngọc H2, có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo, người bị hại không kháng cáo nên không triệu tập; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/11/2025, Trần Khánh Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số, xe do Đ mượn của người bạn tên T2, hiện đã trả xe mô tô trên cho T2) đến nhà bạn là Lê Văn T3 chơi. Tại đây, T3 rủ Đ đi tìm xe mô tô lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô nói trên chở T3 chạy trên đường T để tìm xe mô tô lấy trộm. Khi đến nhà trọ “*Nguyệt 1*” do Nguyễn Thị N làm chủ, thuộc tổ B, khóm V, phường C, tỉnh An Giang thì cả hai phát hiện xe mô tô của Nguyễn Thành T4 đang dựng trong sân, bên hông dãy nhà trọ, không người trông coi. Đ dừng xe bên ngoài để cảnh giới, còn T3 vào bên trong dùng cây đoản hình lục giác mang theo sẵn mở khóa, nổ máy rồi lên xe điều khiển đến tiệm sửa xe của Lê Hồng P tại khóm V, phường C. Tại đây, Đ và T3 nói cho P biết xe vừa lấy trộm được và nhờ P bán xe sẽ cho P 1.000.000 đồng, thì P đồng ý. Sau đó, T3 và P cùng nhau điều khiển xe mô tô trộm được đến khu vực cửa khẩu T6, còn Đ đi về nhà T3 để chờ. Khi đến cửa khẩu T6, P nhờ Đoàn Văn T5 đem xe qua Campuchia bán được 13.000.000 đồng.

Riêng, T4 phát hiện xe bị mất trộm nên nhờ N trích xuất camera an ninh. Qua xem hình ảnh camera, T4 nhận dạng được người lấy trộm xe mô tô của T4 là T3 và thông qua các mối quan hệ Tuyền biết được thông tin T3 đang cùng P đem xe mô tô của T4 đến cửa khẩu T6 để bán nên T4 nhờ Huỳnh Đông X và H3 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến khu vực cửa khẩu T6 để tìm T3 lấy lại xe. Khi đến cửa khẩu T6, H3 thấy P và T3 đang ngồi ở quán nước gần cửa khẩu nên đến hỏi thì T3 thừa nhận có lấy trộm xe mô tô của T4. Lúc này, T3 kêu P gọi điện cho T5 kêu đem xe mô tô về trả cho T4 nhưng T5 nói đã bán rồi, đồng thời T5 nhờ người chạy xe ôm (không rõ họ tên, địa chỉ) đem số tiền 13.000.000 đồng đã bán xe đưa T3. Sau đó, H3 dẫn T3, Đ và P về nhà trọ Nguyệt 1 gặp T4, T3 lấy số tiền 13.000.000 đồng từ việc bán xe trả lại cho T4. Đồng thời, T4 đến Công an phường C trình báo sự việc. Riêng T3 và Đ cũng đến Công an phường C đầu thú.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường C, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi màu trắng - đỏ, biển số 68AA - 989.97, trị giá 37.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2026/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Bị cáo Trần Khánh Đ, Lê Văn T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Hồng P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Khánh Đ 02 năm tù; Lê Văn T3 01 năm tù, và xử phạt bị cáo Lê Hồng P 09 tháng tù. Ngoài ra, án sơ thẩm

còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/4/2026 bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày và 09/4/2026 bị cáo P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đ và P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và 1 phần kháng cáo của bị cáo P. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng; xử phạt bị cáo P 6 tháng tù.

Lời nói sau cùng: các bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo P xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: các bị cáo Đ và P kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo T3, bị hại, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ để xác định: Ngày 07/11/2025, Trần Khánh Đ, Lê Văn T3 có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô trị giá 37.000.000 đồng của Nguyễn Thành T4. Lê Hồng P, không hứa hẹn trước với Đ và T3, biết rõ tài sản Đ và T3 trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp Đ và T3 tiêu thụ để hưởng lợi. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử đã căn cứ vào hành vi phạm tội

các bị cáo để xét xử Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173; xử phạt bị cáo P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đ: Bị cáo đã lợi dụng sự thiếu quản lý tài sản của người bị hại để cùng bị cáo T3 lấy trộm tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy trong vụ án bị cáo T3 là người chủ động rủ Đ đi trộm, trực tiếp lấy trộm xe mô tô, tìm P để nhờ tiêu thụ; bị cáo Đ chỉ chở T3 và cảnh giới, không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T3 mức án 01 năm tù nhưng xét xử bị cáo Đ mức hình phạt 02 (hai) năm tù là hơi nặng so với vai trò của bị cáo. Bị cáo Đ có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 nhưng có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt 1 năm 6 tháng tù như đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ mức răn đe bị cáo và tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo P: Bị cáo làm nghề sửa xe, biết rõ xe Thông giao bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng đã liên hệ Đoàn Văn T5 để tiêu thụ, nhưng chưa hưởng lợi. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo nộp đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang điều trị bệnh tim hở van 3 lá phải thường xuyên uống thuốc theo dõi, đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm. Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát

[6] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Khánh Đ, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Hồng P, sửa Bản án sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 02/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang.

Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Khánh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Bị cáo Lê Hồng P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Khánh Đ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/11/2025).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo Trần Khánh Đ và Lê Hồng P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm – TANDTC tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (1)
- TAND khu vực 13 – AG (4);
- Phòng THADS khu vực 13 – AG (1);
- Bị cáo (2);
- Phòng GDKT, TTr&THA (1);
- PV 06 (1);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng, Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Giao

